

Bản án số: 05/2021/HS-ST

Ngày 20 - 5 - 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Phương

Ông Phạm Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Tuấn - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Ông Tráng Seo Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Văn K, tên gọi khác: H; sinh ngày 03 tháng 7 năm 1987 tại Huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T, sinh năm 1950 con bà Vũ Thị N, sinh năm 1950; có vợ: Hoàng Thu H, năm sinh 1981 và 01 con là Phạm Kiều T, sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Tháng 12 năm 2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt một năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giam ngày: 08/6/2020, ngày được cho tại ngoại: Không; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Lào Cai - Có mặt.

**- Bị hại:** Chị Nguyễn Thị H, năm sinh: 1973

Nơi cư trú: Số nhà H, đường N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

**- Người có quyền lợi liên quan:**

+ Anh Ngô Văn Q, năm sinh 1978

Nơi cư trú: Số nhà G, đường N, tổ 3, Phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

+ Chị Lý Triệu Y, năm sinh 1983

Nơi cư trú: K, đường A, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn T, năm sinh 1950

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình - Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Phạm Hồng S, năm sinh 1971

Nơi cư trú: Số nhà A, đường N, tổ 19 B, phường D, Thành Phố L, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đình T, năm sinh 1991

Nơi cư trú: Số B, đường F, tổ 18, phường B, Thành Phố L, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

+ Anh Bùi Văn V, năm sinh 1984

Nơi cư trú: Số nhà C, đường V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, Phạm Văn K được nhận vào làm thử việc lái xe cho chị Lý Triệu Y sinh năm 1983 là chủ cửa hàng trang thiết bị khách sạn V, địa chỉ tại số nhà D, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Chiếc xe ô tô K được giao lái là xe ô tô bán tải FORD RANGER màu trắng, biển kiểm soát 24C-074.13 đăng ký tên anh Nguyễn Văn Q sinh năm 1978, trú tại Tổ 10, phường D, thành phố L (nay trú tại số nhà G, đường N, tổ 3, Phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai). Anh Q cho chị Y mượn để phục vụ công việc cửa hàng. Chị Y trả lương cho K 6.000.000 đồng/tháng. Công việc của K là 07 giờ sáng đến cửa hàng, sau đó sang Ngân hàng T chi nhánh Lào Cai gặp anh Phạm Hồng S bảo vệ Ngân hàng lấy chìa khóa xe điều khiển xe ô tô về cửa hàng sắp xếp hàng hóa chờ đi giao cho các khách sạn trong thành phố, chiều tối đánh xe về gửi tại Ngân hàng T và đưa chìa khóa xe ô tô cho bảo vệ giữ.

Ngày 21/6/2018 Phạm Văn K lái xe đi giao hàng, khoảng 14 giờ cùng ngày K điều khiển xe chở chị Y, anh Nguyễn Đình T là kế toán của cửa hàng và em trai chị Y đi Sa Pa giao hàng, giao hàng xong Y ở lại Sa Pa, K đưa T và em trai Y về cửa hàng, sau đó mang xe đi gửi tại Ngân hàng T. Khoảng 19 giờ cùng ngày K gọi điện cho vợ và xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, do buồn chán, muốn lấy xe ô tô biển kiểm soát 24C-074.13 để đi chơi nên K đến Ngân hàng T nói dối với bảo vệ là lấy xe ô tô đi đón bà chủ, anh S đưa chìa khóa cho K, K điều khiển xe ô tô đi chơi quanh thành phố Lào Cai. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, K đi đến ngã ba B đường rẽ lên B thuộc địa phận xã X, huyện B thì dừng xe nghỉ, sử dụng điện thoại vào mạng Facebook, K thấy anh Bùi Văn V sinh năm 1984 trú tại thị trấn B đang online nên K nảy sinh ý định sử dụng xe ô tô lừa đảo chiếm đoạt tài sản để lấy tiền chi tiêu cá nhân. K gọi điện nói với anh V có chiếc xe vợ chồng mới mua, nay cần tiền gấp nên cầm cố, anh V nói không có tiền, anh V gọi điện cho chị Nguyễn Thị H sinh năm 1973, trú tại thị trấn B, huyện B làm dịch vụ cầm đồ và bảo K đến chỗ chị H. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, K đến và đưa giấy tờ xe ô tô biển kiểm

soát 24C- 074.13 đăng ký tên của anh Ngô Văn Q cho chị H xem, nói dối xe ô tô của vợ chồng K mới mua chưa sang tên, chị H không đồng ý nên K nói xe này bán đâu cũng được năm đến sáu trăm triệu và viết cam kết là xe của mình. Chị H tin tưởng đã viết hợp đồng cầm cố tài sản ghi ngày 21/6/2018, hẹn một tháng sau thanh toán, lãi suất tính sau, hai bên ký xác nhận, chị H đã đưa cho K số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Sau khi lấy được tiền K tắt điện thoại tránh bị phát hiện, đón xe Taxi về thành phố L nghỉ. Khoảng 06 giờ ngày 22/6/2018, K đi xe Taxi về thị trấn P, huyện B viết giấy với nội dung do khó khăn đã cầm cố xe ô tô 24C- 074.13 mong muốn chị Y thông cảm, khi nào có điều kiện K sẽ trả lại tiền cho chị Y rồi cho giấy và hợp đồng cầm cố tài sản vào trong bì thư nhờ lái xe Taxi (không rõ họ tên, địa chỉ) chuyển đến cửa hàng V cho chị Y biết. Sau đó, K đã bỏ trốn mang toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào thành phố H đi lang thang, làm thuê ở nhiều tỉnh thành khác và chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 07/5/2020, K được triệu tập đến Cơ quan điều tra Công an thành phố L làm việc, K đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 23/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố L kết luận chiếc xe ô tô FORD RANGER màu trắng, biển kiểm soát 24C- 074.13 trị giá 826.200.000 đồng (Tám trăm hai mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-BH ngày 15/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa hôm nay:

+ Bị cáo Phạm Văn K khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà đã truy tố.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn K; tên gọi khác: H; phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm hình sự:

Hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuyên phạt bị cáo Phạm Văn K từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng vụ án: Không đề cập giải quyết.

Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền 280.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định.

+ Ý kiến của người bị hại chị Nguyễn Thị H: Chị đã tự nguyện giao chiếc xe ô tô và các giấy tờ xe ô tô cho cơ quan CSĐT Công an thành phố L. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị là 300.000.000 đồng. Bỏ để bị cáo đã bồi thường cho chị số tiền 20.000.000 đồng. Chị đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo qui định của pháp luật

và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền còn lại là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

+ Ý kiến của người có quyền lợi liên quan ông Phạm Văn T: Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã tác động đến gia đình nên ông đã tự nguyện trả cho chị H số tiền 20.000.000 đồng, nay ông không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền trên cho ông.

+ Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, bị cáo xin lỗi bị hại vì bị cáo đã gây thiệt hại và tổn thất cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người đạt độ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo đã có hành vi đưa ra các thông tin gian dối để chị H tin chiếc xe FORD RANGER biển kiểm soát 24C- 074.13 là của mình, bị cáo đã dùng chiếc xe đó cầm để vay chị H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) mà thực tế chiếc xe ô tô trên không phải là tài sản của bị cáo, bị cáo chỉ là người lái xe thuê và được giao quản lý chiếc xe đó; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng và dư luận xấu đến trật tự trị an tại địa phương và trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người có nhân thân xấu đã bị xét xử về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng. Vì vậy cần đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh và áp dụng một mức án phù hợp với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, quá trình bị khởi tố điều tra và tại phiên tòa thấy rằng: Bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường được một phần nhỏ so với thiệt hại mà bị cáo đã gây ra cho bị hại; trong quá trình bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai bị cáo đã cứu giúp 02 phạm nhân cùng buồng tử tù, thoát khỏi cái chết; bị cáo có bố đẻ Phạm Văn T là thương binh hạng 4/4, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng 2, được tặng Kỷ vật lưu niệm Huy hiệu chiến sỹ Thành Cổ, được tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “CCB gương mẫu”; bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2

Điều 51 của Bộ luật Hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khHn hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[2] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo nghề nghiệp tự do, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại chị Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Ngày 08/6/2020 gia đình bị cáo đã trả cho chị H số tiền 20.000.000 đồng. Nay chị H yêu cầu bị cáo K phải bồi thường số tiền còn lại là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Xét thấy yêu cầu của chị H là có căn cứ cần buộc bị cáo K phải bồi thường cho chị H là phù hợp.

- Người có quyền lợi liên quan:

+ Ông Phạm Văn T đã tự nguyện trả cho bị hại chị Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đồng, nay ông T không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền trên. Xét thấy, việc người có quyền lợi liên quan không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

+Anh Ngô Văn Q đã nhận lại tài sản là chiếc xe ô tô và các giấy tờ xe nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự, chị Lý Triệu Y không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự. Xét thấy, việc người có quyền lợi liên quan không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Việc xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định và thu giữ gồm:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER màu trắng, biển kiểm soát 24C-074.13; 01 đăng ký xe ô tô, BKS 24C-074.13, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô biển kiểm soát 24C-074.13 và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 24C-074.13 mang tên Ngô Văn Q. Xét thấy, vật chứng đó không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã trả lại cho chủ sở hữu anh Q là đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Sam sung Galaxy A20, màu đen, 01 thẻ căn cước công dân số 034087011638 mang tên Phạm Văn K; 01 giấy phép lái xe số 100154001970 mang tên Phạm Văn K; 01 hộ chiếu số C8782701 mang tên Phạm Văn K. Xét thấy, vật chứng này không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã trả lại cho bị cáo K quản lý là đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nhưng đề nghị áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 51 Bộ luật

hình sự là chưa phù hợp vì thực tế bị cáo mới tác động gia đình bồi thường được một phần nhỏ so với thiệt hại mà bị cáo đã gây ra cho bị hại, nên không được chấp nhận; mức đề nghị về hình phạt đối với bị cáo là nặng, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn K; tên gọi khác: H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 08/6/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn K phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng án phí là 14.200.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan (03);
- CQĐT Công an huyện Bắc Hà;
- CQTHAHS Công an huyện Bắc Hà;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Hà;
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- Phòng HSNV CA tỉnh Lào Cai;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS, THAHS (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOA  
(Đã ký và đóng dấu)**

**Nguyễn Thị Thu Hương**